

PHỤ LỤC III

Tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính hàng năm đối với các xã, phường, thị trấn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1461 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	30			
1.1	Kế hoạch Cải cách hành chính năm	4			
1.1.2	Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính năm trước ngày 10/12 của năm trước liền kề năm kế hoạch (Ban hành đúng thời gian quy định: 02 điểm; Ban hành trong tháng 01: 01 điểm; Ban hành quá thời gian quy định: 0 điểm)	2			
1.1.3	Xác định nhiệm vụ cải cách hành chính rõ ràng, trên các lĩnh vực theo Chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh; bố trí kinh phí triển khai: - Xác định nhiệm vụ cải cách hành chính rõ ràng, trên các lĩnh vực: 01 điểm - Bố trí kinh phí triển khai: 01 điểm	2			
1.2	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo chỉ đạo của UBND cấp huyện	2			
	Thực hiện 100% kế hoạch: 2 điểm				
	Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: 1 điểm				
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0 điểm				
1.3	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ đúng quy định (Quý I, 6 tháng, Quý III và năm) và các báo cáo trong năm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến công tác CCHC theo chỉ đạo của UBND cấp huyện	4			
	- Trường hợp không có báo cáo trừ 01 điểm/báo cáo				
	- Gửi báo cáo nhưng không đúng theo thời gian quy định trừ 0.5 điểm/báo cáo				
1.4	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	3			
1.4.1	Có Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch CCHC hàng năm nhưng nội dung phải đảm bảo đầy đủ, cụ thể)	1			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
1.4.2	Có báo cáo và xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị giải quyết theo thẩm quyền (hoặc có văn bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý sau kiểm tra) nếu phát hiện qua kiểm tra.	2			
	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1				
	Từ 50% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5				
	Dưới 50% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
1.5	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính (không ban hành Kế hoạch không chấm mục này)	5			
1.5.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền Cải cách hành chính	1			
1.5.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền: - Tuyên truyền qua loa, đài hoặc có ít nhất 02 bài viết trên Trang tin điện tử của huyện: 01 điểm - Có 01 bài viết đăng trên trang tin điện tử của Bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 điểm - Có 01 bài viết được đăng Báo: 01 điểm - Có Video, tiểu phẩm được phát hành trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: 01 điểm	4			
1.6	Có văn bản, kế hoạch thực hiện gắn với nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu cụ thể để cải thiện các chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS	2			
1.7	Thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, UBND cấp huyện. Trường hợp có văn bản nhắc nhở của Trung ương, UBND tỉnh (hoặc văn bản do lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh ký thừa lệnh Chủ tịch UBND tỉnh), UBND cấp huyện để nhắc nhở, phê bình thì trừ 1 điểm/văn bản - Mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm.	3			
1.8	Thực hiện gửi kết quả đánh giá, phân loại theo quy định về UBND tỉnh (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 10 tháng 12 của năm - có biên bản họp cụ thể (trường hợp không có biên bản thì không chấm điểm ở mục này).	1			
1.9	Tổ chức các cuộc họp giao ban công tác CCHC định kỳ theo quý, 6 tháng và tổng kết năm (hoặc lồng ghép trong các cuộc họp cơ quan).	2			
1.10	Sáng kiến, giải pháp cải tiến trong công tác CCHC góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị (trong số các sáng kiến cấp cơ sở được cấp có thẩm quyền công nhận trong năm trước liền kề của cơ quan, đơn vị).	4			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>Có từ 3 sáng kiến, giải pháp cải tiến mới trở lên: 04 điểm</i>				
	<i>Có từ 2 sáng kiến, giải pháp cải tiến mới trở lên: 03 điểm</i>				
	<i>Có 01 sáng kiến, giải pháp cải tiến mới: 02 điểm</i>				
	<i>Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0 điểm</i>				
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	7			
1	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Xây dựng văn bản QPPL đúng quy trình và nội dung phù hợp với quy định (<i>trường hợp văn bản QPPL ban hành bị hoặc Phòng Tư pháp phát hiện có sai sót thì trừ 1 điểm/văn bản</i>). Mục này có thể chấm theo điểm âm.	2			
2	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	2			
2.1	Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đúng thời gian quy định (<i>trước ngày 05/01 của năm sau liền kề năm kế hoạch</i>).	1			
	<i>Trường hợp báo cáo quá thời hạn quy định từ 01- 05 ngày: 0,5 điểm</i>				
	<i>Trường hợp báo cáo quá thời hạn quy định từ 06 ngày trở lên: -1 điểm</i>				
2.2	Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ biểu mẫu theo quy định.	1			
3	Tự kiểm tra văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành	3			
3.1	Ban hành kế hoạch tự kiểm tra văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.	1			
3.2	Báo cáo kết quả tự kiểm tra và kiểm tra văn bản QPPL định kỳ 6 tháng, năm về Phòng Tư pháp đúng thời hạn quy định (<i>trường hợp báo cáo không đúng thời hạn quy định thì trừ 1 điểm/báo cáo</i>).	2			
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	12			
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)	4			
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát TTHC theo quy định (<i>ban hành quá thời hạn quy định thì không chấm điểm</i>).	1			
3.1.2	Báo cáo rà soát TTHC định kỳ đúng thời hạn quy định (<i>cứ 01 báo cáo không đúng thời hạn quy định</i>	1			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>thì trừ 0,5 điểm).</i>				
3.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm</i>				
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0.5 điểm</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</i>				
3.1.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1			
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i>				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>				
3.2	Công bố, cập nhật, thực hiện báo cáo về thủ tục hành chính	3			
3.2.1	Công bố TTHC và các quy định có liên quan	1			
	<i>Công bố đúng nội dung và đúng thời gian quy định về công bố TTHC và các quy định có liên quan: 01 điểm</i>				
	<i>Công bố không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định về công bố TTHC và các quy định có liên quan: 0 điểm</i>				
3.2.2	Công khai đầy đủ, kịp thời và đúng quy định các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Trang Thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công của tỉnh	1			
	<i>Các cơ quan, đơn vị công khai đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính: 1 điểm</i>				
	<i>Các cơ quan, đơn vị chưa công khai hoặc công khai không đúng quy định, không đầy đủ các thủ tục hành chính: -1</i>				
3.2.3	Thực hiện báo cáo định kỳ về Kiểm soát thủ tục hành chính (quý, năm) và đột xuất (kể cả báo cáo giấy và các báo cáo trên hệ thống phần mềm) đầy đủ và đúng thời gian quy định (Trường hợp báo cáo không đúng thời gian quy định thì cứ mỗi báo cáo trễ trừ 0.5 điểm).	1			
3.3	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.	2			
3.3.1	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải	1			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	quyết của cơ quan, đơn vị.				
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định: 01 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm</i>				
3.3.2	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.	1			
	<i>100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 01 điểm</i>				
	<i>Từ 70% - dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5 điểm</i>				
	<i>Dưới 70% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>				
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa”, cơ chế một cửa liên thông”	3			
3.4.1	Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông” đúng quy định (trường hợp thực hiện không đúng quy trình thì trừ 0.5 điểm; trường hợp không thực hiện thì không chấm điểm cho mục này).	1			
3.4.2	Giải quyết hồ sơ đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn, tồn đọng (mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm).	2			
	<i>Trường hợp có hồ sơ trễ hạn, tồn đọng (do lỗi của đơn vị) thì cứ mỗi hồ sơ trễ hạn, tồn đọng: trừ 0.5 điểm/01 hồ sơ</i>				
	<i>Trường hợp có từ 01 đơn thư phản ánh của tổ chức, cá nhân về việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân bị trễ hạn: trừ 1 điểm/đơn thư.</i>				
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	8			
4.1	Thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy	2			
	<i>Thực hiện đảm bảo đúng quy định: 02 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện theo quy định: 0 điểm</i>				
4.2	Quy chế làm việc của UBND xã	4			
4.2.1	Ban hành Quy chế làm việc của cơ quan theo đúng quy định.	2			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>Có ban hành theo quy định: 02 điểm</i>				
	<i>Không ban hành: 0 điểm</i>				
4.2.2	Việc thực hiện quy chế làm việc	2			
	<i>Thực hiện tốt quy chế làm việc: 02 điểm</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy chế làm việc: 0 điểm</i>				
4.3	Thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp.	2			
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 2 điểm</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 2 điểm</i>				
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC	20			
5.1	Bố trí, sử dụng công chức theo đúng theo quy định	2			
	<i>Đúng vị trí việc làm quy định: 02 điểm</i>				
	<i>Chưa thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>				
5.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền theo quy định	2			
5.3	Đánh giá, phân loại, công chức, viên chức	7			
5.3.1	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức viên chức theo quy định (<i>không đúng quy định 0 điểm</i>)	2			
5.3.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức cấp xã (<i>cơ quan, đơn vị không vi phạm trong năm chấm 2 điểm</i>) - Mục này nếu trừ hết điểm chuẩn sẽ trừ điểm âm. - Có công chức cấp xã bị kỷ luật thì trừ 01 điểm/trường hợp. - Có cán bộ cấp xã (<i>không thuộc trường hợp Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã</i>) bị kỷ luật thì trừ 02 điểm/trường hợp.	2			
5.3.3	Tiếp nhận, xử lý các đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo (<i>trường hợp có văn bản nhắc nhở của Ủy ban nhân dân huyện về việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo thì trừ 01 điểm/01 đơn thư</i>).	1			

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
5.3.4	Không hút thuốc lá nơi công sở (<i>cơ quan, đơn vị còn cán bộ, công chức hút thuốc lá nơi công sở thì không chấm điểm ở mục này</i>).	1			
5.3.5	Không uống rượu, bia (<i>hoặc các loại đồ uống có nồng độ cồn tương đương</i>) trong giờ làm việc và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc. <i>Trường hợp có từ 01 CBCC vi phạm thì không chấm điểm ở mục này.</i>	1			
5.4	Có đăng ký và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của đơn vị trong quý I của năm (<i>Ban hành kịp thời đúng thời gian quy định: 01 điểm; có ban hành nhưng quá thời gian quy định: 0.5 điểm; không ban hành: 0 điểm</i>)	1			
5.8	Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên	3			
	<i>Trên 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 3 điểm</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1,5 điểm</i>				
	<i>Dưới 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>				
5.6	Tỷ lệ công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên	3			
	<i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 3 điểm</i>				
	<i>Từ 85% - dưới 100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 1,5 điểm</i>				
	<i>Dưới 85% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm</i>				
5.7	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm.	2			
	<i>Trên 80% số cán bộ, công chức: 01 điểm</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 80% số cán bộ, công chức: 0,5 điểm</i>				
	<i>Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0 điểm</i>				
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	8			
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	5			
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1			
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức:</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	$\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 1.00}{100\%} \right]$				
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	3			
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 02 điểm</i>				
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0 điểm</i>				
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1			
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức:</i> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số tiền đã nộp NSNN} \times 1.00}{100\%} \right]$				
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	3			
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1			
	<i>Đã ban hành: 01 điểm</i>				
	<i>Chưa ban hành: 0 điểm</i>				
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	1			
	<i>Đã thực hiện: 01 điểm</i>				
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>				
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	1			
	<i>Có kiểm tra: 01 điểm</i>				
	<i>Không kiểm tra: 0 điểm</i>				
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	15			
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin	6.5			
7.1.1	Triển khai ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong cơ quan, đơn vị.	1.5			
	<i>Trường hợp đã triển khai phần mềm Văn phòng điện tử nhưng chưa thực hiện tốt: 0.5</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>Chưa triển khai thực hiện ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong cơ quan, đơn vị: -1</i>				
7.1.2	Triển khai thực hiện các dự án công nghệ thông tin được giao trong năm	1			
	<i>Đã triển khai thực hiện: 01 điểm.</i>				
	<i>Chưa triển khai thực hiện: 0 điểm.</i>				
7.1.3	Số lượng tin trên Trang tin điện tử hàng năm từ 150 tin trở lên đạt 2 điểm (trường hợp số lượng tin từ 100-149 tin thì đạt 1.5 điểm; từ 60-99 tin thì đạt 1 điểm; dưới 60 tin thì không chấm điểm).	2			
7.1.4	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử.	1			
	<i>Từ 80% số văn bản trở lên: 01 điểm</i>				
	<i>Dưới 80% số văn bản: 0 điểm</i>				
7.1.5	Thực hiện ứng dụng chứng thư số trên văn bản điện tử	1			
	<i>Từ 80% số văn bản điện tử có ký số trở lên : 01 điểm</i>				
	<i>Dưới 80% số văn bản điện tử có ký số: 0 điểm</i>				
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến. <i>Đối với các đơn vị có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4.</i>	4.5			
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4	1.5			
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1.5 điểm</i>				
	<i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 1.0 điểm</i>				
	<i>Từ 15% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0.5 điểm</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC hoặc Chưa triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: 0 điểm</i>				
7.2.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4 (hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến qua mạng	1.5			
	<i>Từ 20% số TTHC 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến qua mạng trở lên: 1.5 điểm</i>				
	<i>Từ 10% - dưới 20% số TTHC 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến qua mạng trở lên: 01 điểm</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>Dưới 10% số TTHC 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến qua mạng trở lên: 0 điểm</i>				
7.2.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (phù hợp Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ Nội vụ).	1.5			
7.2.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.5			
	<i>Từ 40% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 0.5 điểm</i>				
	<i>Dưới 40% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.25 điểm</i>				
7.2.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.5			
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5 điểm</i>				
	<i>Từ 5% - dưới 10% số hồ sơ: 0.25 điểm</i>				
	<i>Dưới 5% số hồ sơ: 0 điểm</i>				
7.2.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.5			
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5</i>				
	<i>Từ 5% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25</i>				
	<i>Dưới 5% số hồ sơ: 0</i>				
7.3	Tỷ lệ hoàn thành tích hợp DVC của các đơn vị lên Cổng DVC quốc gia	1			
	<i>Đạt 50% trở lên số lượng DVC của đơn vị hoàn thành tích hợp lên Cổng DVC quốc gia: 1 điểm</i>				
	<i>Đạt 30% đến dưới 50% số lượng DVC của đơn vị hoàn thành tích hợp lên Cổng DVC quốc gia: 0.5 điểm</i>				
	<i>Đạt 20% đến dưới 30% số lượng DVC của đơn vị hoàn thành tích hợp lên Cổng DVC quốc gia a: 0.25 điểm</i>				
	<i>Dưới 10% Số lượng DVC của đơn vị hoàn thành tích hợp lên Cổng DVC quốc gia: 0 điểm</i>				
7.4	Tỷ lệ thực hiện hoàn thiện số lượng biểu được giao trên hệ thống Báo cáo KTXH (Đối với các đơn vị không giao chỉ tiêu triển khai hệ thống báo cáo kinh tế xã hội tỉnh thì đạt điểm chuẩn)	1			
	<i>Từ 80% - 100% thực hiện các biểu được giao (biểu số liệu và biểu báo cáo) : 1 điểm</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	<i>Từ 50% - 79% thực hiện các biểu được giao (biểu số liệu và biểu báo cáo): 0.5 điểm</i>				
	<i>Từ 25% - 49% thực hiện các biểu được giao (biểu số liệu và biểu báo cáo): 0.25 điểm</i>				
	<i>Dưới 25% thực hiện các biểu được giao (biểu số liệu và biểu báo cáo): 0 điểm</i> <i>Điểm được tính theo công thức: $((a1 + b1) / (a + b)) * 100$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là số biểu số liệu được giao</i> <i>b là số biểu báo cáo được giao</i> <i>a1 là số biểu số liệu đã thực hiện hoàn thành</i> <i>b1 là số biểu báo cáo đã thực hiện hoàn thành</i>				
7.5	Lĩnh vực ISO (không có điểm đối với đơn vị chưa áp dụng ISO)	2			
7.5.1	Có Ban hành Kế hoạch và Mục tiêu chất lượng hàng năm.	0.25			
7.5.2	Việc thực hiện và cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng (Đảm bảo 100% TTHC được thực hiện ISO và được cập nhật).	0.25			
7.5.3	Thực hiện đánh giá nội bộ và Họp xem xét của lãnh đạo.	0.5			
7.5.4	Đảm bảo sự tham gia của Lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (kiện toàn Ban chỉ đạo ISO khi có sự thay đổi, ban hành hệ thống tài liệu, xác nhận hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng).	0.25			
7.5.5	Thực hiện công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng và gửi đến đơn vị chủ trì để theo dõi, tổng hợp.	0.25			
7.5.6	Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (Cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do Sở KH&CN tổ chức).	0.25			
7.5.7	Gửi Báo cáo định kỳ hằng năm đến cơ quan quản lý đúng hạn.	0.25			
	ĐIỂM TỔNG CỘNG	100			
C	ĐIỂM CỘNG				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
1	Có tổ chức điều tra, khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị.	3 điểm			
	<i>Có tổ chức điều tra, khảo sát sự hài lòng: 1,5 điểm</i>				
	<i>Có báo cáo kết quả tự khảo sát: 1,5 điểm</i>				
2	Không có văn bản nhắc nhở của Ủy ban nhân dân huyện	3 điểm			
3	Có sáng kiến cải cách hành chính được cấp có thẩm quyền công nhận (cấp huyện, tỉnh, cấp Bộ, ngành Trung ương) - căn cứ vào sáng kiến của năm trước liền kề.	3 điểm			
4	Chỉ số mức độ hài lòng của đơn vị (theo kết quả khảo sát của đơn vị) cao hơn Chỉ số mức độ hài lòng năm trước liền kề của cấp huyện	+ 0,1 điểm/1% cao hơn			
5	Hoàn thành 100% kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (<i>tiêu chí này thực hiện đối với đơn vị được cấp vốn đầu tư công</i>)	2 điểm			
6	Thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu cấp huyện giao	1 điểm			
	<i>Đạt chỉ tiêu tỉnh giao: cộng 1 điểm.</i>				
	<i>Vượt chỉ tiêu tỉnh giao: Cứ mỗi 1% vượt chỉ tiêu được cộng thêm 0,1 điểm.</i>				
7	Đối với các địa phương được lựa chọn tham gia Chỉ số PAPI của tỉnh	+ 1 điểm/ CSTP tăng điểm hoặc tăng bậc			
D	ĐIỂM TRỪ				
1	Không thực hiện việc xin lỗi công dân đối với các trường hợp hồ sơ trễ hạn hoặc không giải thích cụ thể đối với các trường hợp trả lại hồ sơ.	-1 điểm/ hồ sơ			
2	Không công khai, minh bạch tiếp cận các thông tin, tài liệu của các cơ quan nhà nước trong tỉnh đối với doanh nghiệp theo quy định.	-1 điểm			
3	Trễ hạn khi thực hiện văn bản chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện: <i>- Dưới 5%: - 2 điểm;</i>				

SỐ TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG
	- Từ 5% - dưới 10%: - 5 điểm; - Từ 10% - dưới 20%: - 10 điểm; - Từ 20% - 30%: - 15 điểm; - Từ 30% trở lên: - 20 điểm.				
4	Không có sáng kiến, giải pháp cải tiến trong công tác CCHC góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.	- 2 điểm			
5	Chỉ số mức độ hài lòng của đơn vị (theo kết quả khảo sát của tỉnh) thấp hơn Chỉ số SIPAS của tỉnh	- 0,1 điểm/1% thấp hơn hơn			
6	Đối với các địa phương được lựa chọn tham gia Chỉ số PAPI của tỉnh	- 1 điểm/CSTP giảm điểm hoặc giảm bậc			
7	Chưa hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (tiêu chí này thực hiện đối với đơn vị được cấp vốn đầu tư công)	- 0,1 điểm/1%			
8	Thu ngân sách không đạt chỉ tiêu cấp huyện giao (Cứ mỗi 1% không đạt chỉ tiêu thì trừ 0,1 điểm)	- 0,1 điểm/1%			

LƯU Ý:

1. Mức xếp loại:

- Tốt: Từ 90 điểm trở lên.
- Khá: Từ 80 đến dưới 90 điểm.
- Trung bình: Từ 70 đến dưới 80 điểm.

- Yếu: Dưới 70 điểm.

2. Các tiêu chí hạ bậc, không chấm điểm:

- Cơ quan, đơn vị có lãnh đạo hoặc tập thể Lãnh đạo đề Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê bình (hoặc đề nghị kiểm điểm) bằng văn bản trong thực thi công vụ: Hạ 1 bậc xếp loại.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị báo cáo số liệu giải quyết hồ sơ trễ hẹn không đúng thực tế bị phát hiện qua kiểm tra: Hạ 1 bậc xếp loại.

- Cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức giữ chức vụ Lãnh đạo chủ chốt (Cấp ủy, HĐND, UBND) bị kỷ luật từ khiển trách trở lên: Hạ 2 bậc xếp loại.

- Các cơ quan, đơn vị khi tiến hành chấm điểm không mang theo tài liệu kiểm chứng để chứng minh hoặc không có cơ sở để chứng minh: Không chấm điểm tại mục đó.